TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2021
V/v "Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Quốc Thắng
2. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nữ, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân, Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1126/2020/HNST ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Châu P - sinh năm 1993
HKTT: 9/25 L, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Tạm trú: số 8 T, Phường 5, Quận 11, TPHCM

2. Bị đơn: Ông Lương Hải Q, sinh năm 1989
Địa chỉ: 194/3 G, phường T, quận Tân Phú, TPHCM
(Bà P và ông Q có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Châu P trình bày:

Bà và ông Lương Hải Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn.

Cả hai chung sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt, cả hai không có tiếng nói chung nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận bà và ông Quân là vợ chồng để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Cả hai có 01 con chung là Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 07/01/2015. Bà đồng ý giao con chung cho ông Quân nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án ông Lương Hải Q trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Ph về thời gian sống chung giữa hai người là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Cả hai chung sống với nhau khoảng 6 tháng rồi phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về cách sống, cách nghĩ nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà Phương yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận ông và bà P là vợ chồng thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Cả hai có 01 con chung là Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 07/01/2015. Ông xin được nuôi con, không yêu cầu bà P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: Bà P và ông Q có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Châu P, không công nhận mối quan hệ sống chung giữa bà Nguyễn Châu P và ông Lương Hải Q là vợ chồng .

Về con chung: Giao cho ông Quân tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 07/01/2015, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà P do ông Q không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Châu P, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn hôn ông Lương Hải Q có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Nguyễn Châu P và bị đơn ông Lương Hải Q có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P và ông Q theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà P và ông Q sống chung với nhau từ năm 2014, không đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt, cả hai không có tiếng nói chung dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân của bà P và ông Q có vi phạm về hình thức, không đăng ký kết hôn nên Tòa án không công nhận là vợ chồng là phù hớp với qui định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên hòa giải bà P thể hiện sự cương quyết yêu cầu được ly hôn cùng ông Q, ông Q cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy trường hợp bà P và ông Q tiếp tục sống chung cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà P.

- *Về con chung*: Tại phiên hòa giải cả hai thống nhất giao con chung là Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 07/01/2015 cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, bà P không cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ông Q là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà P do ông Q không yêu cầu.

- *Về tài sản chung:* Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự*: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn bà Nguyễn châu P phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56, 58, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Châu P và ông Lương Hải Q.

- Về con chung: Giao con chung tên Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 07/01/2015 cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà P do ông Q không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp ông Q không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông Quân hoặc bà Phương, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Phương có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự: Không xem xét.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) buộc bà Nguyễn châu P phải nộp, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0071549 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phương đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Trúc Lý